



Số: 1113/BC- CPC1

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội,

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108536 do: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/4/2022
- Vốn điều lệ: 209.790.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 209.790.000.000 đồng
- Địa chỉ: 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84 - 24) 3864 3306
- Số fax: (84 - 24) 3864 1366
- Website: www.cpc1.com.vn
- Mã cổ phiếu: DP1
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Tiền thân của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 là Quốc doanh Y Dược phẩm Trung ương được thành lập từ năm 1956 do Bộ Y Tế quản lý, trực thuộc Cục phân phối Dược phẩm.
 - Công ty chính thức được thành lập theo quyết định số 171/BYT-QĐ ngày 01/04/1971 của Bộ Y Tế với tên gọi “Công ty Dược phẩm cấp I” thuộc Tổng công ty dược (Bộ Y tế).
 - Năm 1985, Công ty đổi tên thành “Công ty Dược phẩm Trung ương I” theo quyết định số 934/BYT-QĐ ngày 5/6/1985 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.
 - Ngày 22/4/1993, Bộ Y tế ra Quyết định số 408/BYT – QĐ của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Y Tế. Thành lập doanh nghiệp Nhà nước: “Công ty Dược phẩm TW1” thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam với mã số: 070101; 070102.
 - Công ty hoạt động theo Giấy Đăng ký thành lập doanh nghiệp Nhà nước với số đăng ký kinh doanh là: 108263 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/5/1993. Tiếp đó, Công ty thay đổi số ĐKKD và hoạt động theo Giấy chứng nhận

ĐKKD Công ty Nhà nước số: 0106000664, đăng ký lần đầu ngày 12/05/1993 và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 27/10/2009.

- Đến năm 2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm trung ương 1 theo quyết định số 45/QĐ-TCTD ngày 29/6/2010 do Nhà nước làm chủ sở hữu. Theo đó, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số: 0100108536 cấp lần đầu ngày 26/07/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 07/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Năm 2016 Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12/06/2015 của Bộ Y Tế. Thời điểm giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 12/06/2018.

- Năm 2021 kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Dịch vụ bảo quản thuốc; Buôn bán Vacxin, sinh phẩm y tế; Sản xuất và kinh doanh: Thuốc, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm chế biến và thực phẩm chức năng; Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Kinh doanh nguyên liệu ngành dược và dược phẩm; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh miền Bắc, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Nam, miền Trung.

Các chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: 297/24A Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Đà Nẵng: Số Lô 75, 76, 77 khu dân cư số 2 Phần Lãng, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

- Chi nhánh Nghệ An: Số 11 đường Lê Nin, xóm 19, xã Nghi Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Chi nhánh Quảng Ninh: Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, phường Cao Thắng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

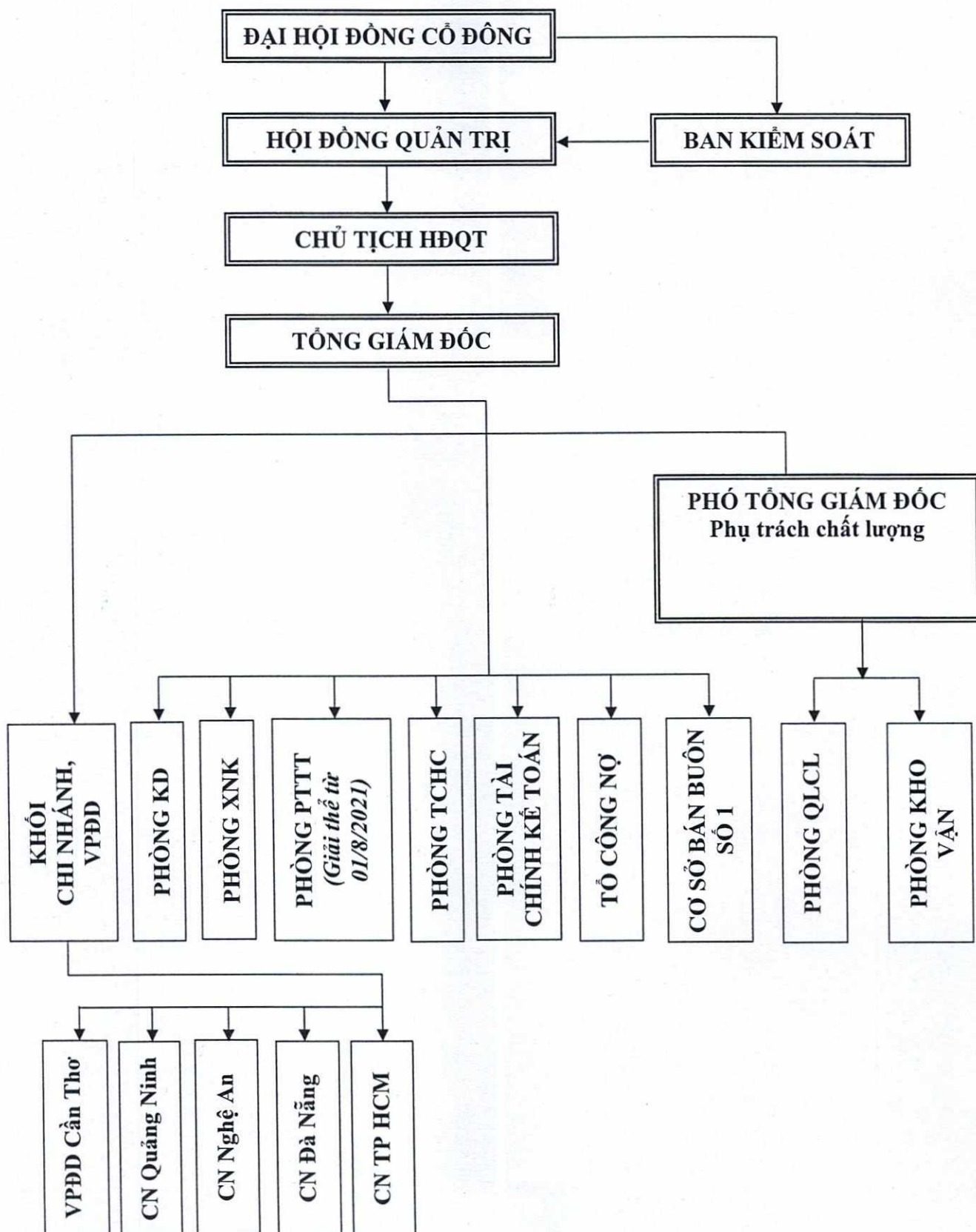
- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty.
- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông.
- Đầu tư và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì tốc độ tăng trưởng 2-3%/năm trong nửa đầu nhiệm kỳ 2021 – 2026, tăng từ 5-8% trong các năm tiếp theo.
- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và gia tăng lợi ích cho các bên liên quan.
- Là doanh nghiệp phân phối thuốc có uy tín.
- Là doanh nghiệp được có kênh phân phối chuyên nghiệp, sâu, rộng và đa dạng.
- Tiếp tục áp dụng khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý, kinh doanh.
- Cải thiện và phát triển tốt các nguồn lực nền tảng trong Công ty.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, cộng đồng, xã hội)

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến sức khỏe con người nên Công ty có ý thức đến cộng đồng và trách nhiệm với xã hội:

- Kinh doanh các sản phẩm đạt chất lượng.
- Công tác tiêu hủy thuốc thực hiện đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo môi trường làm việc cho CBNV an toàn, đời sống ổn định.
- Bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.
- Tham gia đóng góp các chương trình Đền ơn đáp nghĩa, quỹ tâm lòng vàng và các hoạt động từ thiện trên địa bàn.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động kinh doanh của ngành Dược chịu nhiều tác động bởi sự quản lý của Nhà nước, các văn bản pháp luật về các lĩnh vực: Giá thuốc, danh mục các thuốc phải kiểm soát đặc biệt, điều kiện kinh doanh thuốc, hạn chế chỉ định thanh toán... có sự điều chỉnh, mỗi sự thay đổi đều có tác động đến hoạt động của Công ty.

b. Rủi ro đặc thù

- Thiếu nguồn hàng do: Sự chậm trễ trong thủ tục gia hạn và cấp mới số đăng ký đối với hàng nhập khẩu và các thuốc sản xuất trong nước nói chung của cơ quan quản lý; Nhà sản xuất bảo dưỡng, thay đổi dây chuyền dẫn đến các sản phẩm của Công ty bị gián đoạn, thiếu hàng kinh doanh.

- Rủi ro về thị trường: Các doanh nghiệp Dược trong nước không ngừng mở rộng về quy mô và năng suất, các doanh nghiệp Dược đa quốc gia có tiềm lực về tài chính và công nghệ. Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng sản

538-6
Y
N
AM
JNG
I
TP. H

phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến hệ thống phân phối và hệ thống kho hàng theo hướng hiện đại hóa để có thể tồn tại và cạnh tranh trên thị trường.

- Rủi ro về giá: Sản xuất, kinh doanh dược phẩm là một trong các lĩnh vực được Nhà nước quản lý giá chặt chẽ, chi phí đầu vào ngày càng tăng cao, sự cạnh tranh về giá giữa các sản phẩm trên thị trường.

- Rủi ro do cơ sở điều trị sử dụng thuốc thấp hơn số lượng trúng thầu: Tỷ lệ thực hiện hợp đồng hàng trúng thầu của nhiều cơ sở điều trị rất thấp, dưới 80% giá trị trúng thầu, có những mặt hàng cơ sở chỉ lấy 30-40% dẫn đến tồn kho cao, Công ty phải hoàn toàn chịu thiệt hại về lượng hàng bệnh viện không lấy hết. Trong khi đó vì một lý do nào đó doanh nghiệp thiếu hàng không cung ứng đủ theo số lượng trúng thầu, Công ty sẽ bị phạt như bị trừ điểm khi tham gia các gói thầu tiếp theo hoặc nếu Bệnh viện nhập thuốc đó từ nguồn khác thì Công ty phải chi trả cho thuốc mua bổ sung đó.

c. Rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh:

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, các cơ sở điều trị hạn chế nguồn thu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán cho doanh nghiệp.

- Tiến độ hàng về chậm hơn so với kế hoạch. Chi phí vận chuyển tăng trong khi giá thuốc bán ra tương đối ổn định.

- Trong các thời điểm dịch bùng phát phải thực hiện giãn cách, tăng chi phí phòng chống dịch bệnh cũng ảnh hưởng đến hiệu quả và năng suất của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

a. Kết quả hoạt động sản xuất doanh năm 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/giảm	Tỷ lệ tăng trưởng (%) 2021/2020
Doanh thu thuần	2.182.420	2.058.376	124.044	106,0%
Lợi nhuận trước thuế	56.902	51.942	4.961	109,6%
Lợi nhuận sau thuế	44.992	40.562	4.430	110,9%

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Tăng/giảm	Tỷ lệ % TH/KH
Doanh thu thuần	2.182.420	2.100.000	82.420	103,9%
Lợi nhuận trước thuế	56.902	52.000	4.902	109,4%
Lợi nhuận sau thuế	44.992	41.600	3.392	108,2%

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành năm 2021

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Doãn Liêm	Tổng giám đốc	
2	Phạm Đức Thọ	Phó tổng giám đốc	Miễn nhiệm 01/7/2021
3	Nguyễn Thị Hòa	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm 01/7/2021
4	Đặng Thị Dư	Kế toán trưởng	

➤ Ông Nguyễn Doãn Liêm - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/5/1960 Nơi sinh:
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Số CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Nguyên quán:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1986 - 04/1989	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Kho dược	Nhân viên
04/1989 - 12/1995	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Cửa hàng TT giới thiệu thuốc	Nhân viên
12/1995 - 11/1998	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Quầy thuốc phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	Nhân viên
11/1998 - 12/2002	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng Chi nhánh
01/2003 - 03/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Cửa hàng số 10 Nguyễn Lương Bằng	Phụ trách cửa hàng
04/2004 - 11/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Phó trưởng phòng
12/2004 - 05/2005	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Trưởng phòng
05/2005 - 07/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng Kinh doanh	Phó GD kiêm trưởng phòng KD
08/2007 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Giám đốc
08/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1	Chủ tịch kiêm Giám đốc
17/12/2015 đến nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Thành viên HĐQT
01/01/2016 đến 31/12/2021	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ công tác: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội.

- Số cổ phần sở hữu: 1.210.940 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,772% vốn điều lệ.

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 819.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,9% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ với công ty: Không có.

➤ **Ông Phạm Đức Thọ - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 19/02/1975

Nơi sinh:

- Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

- Số CMND: Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Nguyên quán:

- Địa chỉ thường

- Số điện thoại liên lạc:

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1996 - 04/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Chuyên viên
04/2007 - 10/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Tổ trưởng tổ nhập khẩu
10/2007 - 03/2009	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng XNK	Phó trưởng phòng
04/2009 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng XNK	Trưởng phòng
08/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1- Phòng XNK	Trưởng phòng
17/12/2015 - 26/4/2021	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Chủ tịch HĐQT
01/8/2018 - 30/6/2021	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 nhiệm kỳ 2016-2021 kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1. Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/7/2021.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

- Số cổ phần sở hữu: 4.202.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,032% vốn điều lệ.

- Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,032% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP đến hết ngày 26/4/2021: 4.195.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 26.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,127% vốn điều lệ.

➤ **Bà Nguyễn Thị Hòa – Phó tổng giám đốc**

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 03/06/1975

Nơi sinh:

- Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

- Số CCCD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Nguyên quán:

- Địa chỉ thường trú:

- Số điện thoại liên lạc:

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1997 - 03/2004	Phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm - Công ty dược phẩm TỰ 1	Chuyên viên
04/2004 - 05/2005	Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu - Công ty dược phẩm TỰ 1	Chuyên viên
06/2005 - 09/2009	Phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm - Công ty dược phẩm TỰ 1	Chuyên viên
10/2009 - 07/2010	Phòng Quản lý chất lượng - Công ty dược phẩm TỰ 1	Chuyên viên
08/2010 - 10/2011	Phòng Quản lý chất lượng - Công ty TNHH MTV Dược phẩm TỰ 1	Phó trưởng phòng
11/2011 - 12/2015	Phòng Quản lý chất lượng - Công ty TNHH MTV Dược phẩm TỰ 1	Trưởng phòng
01/2016 - 12/2016	Phòng Quản lý chất lượng - Công ty CP Dược phẩm TỰ CPC1	Trưởng phòng
01/2017 - nay	Phòng Kho vận - Công ty CP Dược phẩm TỰ CPC1	Trưởng phòng
7/2021 - nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 6.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,032% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người liên quan nắm giữ: Không.

➤ **Bà Đặng Thị Dư – Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 15/12/1976

Nơi sinh:

- Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

- Số CMND:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Nguyên quán:

- Địa chỉ thường trú:

- Số điện thoại liên lạc:

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2001 - 01/2002	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Chuyên viên Kế toán
02/2002 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng Kế toán tài vụ	Chuyên viên
08/2010 - 02/2011	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1 - Phòng Kế toán tài vụ	Chuyên viên
03/2011 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1 - Phòng Tài chính kế toán	Chuyên viên
01/2016 - 04/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Phòng Tài chính kế toán	Chuyên viên
5/2017 - 02/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Phòng Tài chính kế toán	Trưởng phòng
03/2018 - nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Phòng Tài chính kế toán	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 6.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của những người liên quan nắm giữ: Không.

c. Số lượng cán bộ nhân viên

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	8	2,33
Đại học	142	41,28
Cao đẳng	15	4,36
Trung cấp	118	34,3
Sơ cấp	23	6,69
Lao động phổ thông, khác	38	11,05

- Chính sách người lao động tại công ty: Được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Không có thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Cải tạo, bổ sung, trang bị máy móc, thiết bị cho kho tại Hà Nội và kho chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.273.609	1.131.602	-11,15%
Doanh thu thuần	2.058.376	2.182.420	6,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.596	57.609	18,55%
Lợi nhuận khác	3.346	-706	-121,12%
Lợi nhuận trước thuế	51.942	56.902	9,55%
Lợi nhuận sau thuế	40.562	44.992	10,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.706	1.882	10,32%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,09	1,12	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,58	0,79	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	80%	77%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	394%	328%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,11	1,20	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,62	1,93	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,97%	2,06%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	15,74%	17,03%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,18%	3,98%	

5. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 20.979.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 20.979.000 cổ phần phổ thông
- Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng: 20.220.700 cổ phần
- Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 758.300 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Theo loại hình sở hữu			
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông là tổ chức	2	16.721.550	79,71
3	Cổ đông là cá nhân	499	4.257.450	20,29
	Theo tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	3	17.932.490	85,48
2	Cổ đông khác	498	3.046.510	14,52
	Cổ đông trong nước và nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	500	20.978.000	99,995
2	Cổ đông nước ngoài	1	1.000	0,005
	Tổng cộng		20.979.000	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng nguyên liệu công ty nhập khẩu để kinh doanh là 158,9 tấn

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ điện: 1.057.500 kw/năm

- Kiểm soát và sử dụng nguồn điện hợp lý, tiết kiệm

6.4. Tiêu thụ nước: 15.244 m³/năm

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, trong năm không bị xử lý vi phạm

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng người lao động: 341 người

Mức lương trung bình đối với người lao động:

- Cán bộ nhân viên: 14.320.000 đ/người/tháng

- Ban điều hành: 53.333.000 đ/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Chế độ phúc lợi được đảm bảo: Người lao động được quan tâm, thăm hỏi động viên kịp thời khi ốm đau, hiếu, hỷ...

- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

- Tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, cập nhật các văn bản pháp luật, đào tạo định kỳ về chuyên môn đáp ứng yêu cầu của ngành Dược.

- Chế độ lương thưởng được trả theo trình độ chuyên môn, năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân và dụng cụ an toàn lao động.

- Đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động trong những giai đoạn dịch Covid – 19 bùng phát.

- Liên hệ, tổ chức tiêm phòng 2 mũi Vắc xin ngừa Covid cho CBNV. Tổ chức làm việc trực tuyến và trực tiếp linh hoạt đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời cho các cơ sở y tế trong thời kỳ dịch bệnh cao điểm.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Thực hiện 11 khóa đào tạo theo các quy định bắt buộc của Nhà nước và yêu cầu chuyên môn từ các phòng ban.

- Tổng số lượt người tham gia đào tạo theo kế hoạch: 720 lượt người.

- Tổng số lượt người thực hiện đào tạo: 720 lượt người.

- Nội dung đào tạo: Phổ biến, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến các hoạt động chuyên môn, tham dự các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tăng cường hình thức đào tạo trực tuyến linh hoạt về thời gian, địa điểm học tập, hiệu quả về chi phí.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty cũng hướng tới chia sẻ khó khăn với cộng đồng, với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong công ty. Chung tay đóng góp trong công tác phòng chống dịch: Ủng hộ kit test, hỗ trợ một số Bệnh viện. Sẵn sàng và kịp thời cấp phát trang thiết bị phòng chống dịch theo chỉ đạo của Bộ Y tế phân công. Tổ chức và huy động CBNV tham gia đóng gói kit test và dán nhãn bổ sung thuốc kháng Covid kể cả ngoài giờ làm việc và ngày nghỉ cuối tuần đảm bảo tiến độ để giao hàng kịp thời. Ủng hộ các hoạt động từ thiện trên địa bàn quận, phường như đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, hội người khuyết tật, hỗ trợ trẻ em khu dân cư nhân dịp trung thu, nạn nhân chất độc da cam...Tuy việc đóng góp có giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Thực hiện Năm 2021	Tỷ lệ tăng trưởng (%) 2021/2020	Tỷ lệ % TH/KH
Doanh thu thuần	2.058.376	2.100.000	2.182.420	106,0%	103,9%
Lợi nhuận trước thuế	51.942	52.000	56.902	109,6%	109,4%
Lợi nhuận sau thuế	40.562	41.600	44.992	110,9%	108,2%
Cổ tức	1.706		1.882	110,3%	

Căn cứ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương CPC1.

+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC năm 2021: 44,992 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC năm 2020: 40,562 tỷ đồng

Chênh lệch tăng là: 4,43 tỷ đồng tăng tương đương 10,9%

• Lý do tăng chủ yếu là do:

- Năm 2021 Công ty tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 giá mua hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao, vì vậy biên lợi nhuận gộp của Công ty bị giảm so với năm 2020 là 28,6 tỷ tương đương giảm 10,3 %. Tuy nhiên bù đắp lại Doanh thu tài chính năm 2021 tăng 10,7 tỷ do Công ty lãi tỷ giá hối đoái khi thanh toán cho nhà cung cấp và chi phí tài chính giảm 20,1 tỷ tương đương giảm 39% do các khoản vay phát sinh giảm, lãi suất vay ngân hàng giảm và các chi phí giao dịch liên quan đến chuyển tiền thanh toán qua ngân hàng được miễn giảm.

- Bên cạnh đó, năm 2021 Công ty thuộc đối tượng doanh nghiệp được Nhà nước hỗ trợ chính sách như: Giảm tiền thuê đất 30%, giảm tiền điện nước... Vì vậy Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 cũng giảm hơn so với năm 2020.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	974.704.260.480	1.110.184.421.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	20.433.962.843	21.865.758.073
1. Tiền	111	20.433.962.843	21.865.758.073
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	649.204.694.455	550.569.853.548
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	648.470.927.863	546.593.507.747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.755.634.695	7.780.642.906
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.604.187.823	3.509.828.835
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(7.626.055.926)	(7.314.125.940)

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	285.420.229.050	521.559.928.446
1. Hàng tồn kho	141	301.510.010.538	531.549.663.980
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(16.089.781.488)	(9.989.735.534)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	19.645.374.132	16.188.881.722
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.146.550.798	894.830.916
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	16.382.207.006	15.272.799.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.116.616.328	21.250.907
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	156.897.741.288	163.425.001.180
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	101.496.871.673	74.408.758.917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	73.631.638.873	46.543.526.117
- Nguyên giá	222	208.163.019.767	173.642.281.799
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(134.531.380.894)	(127.098.755.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	27.865.232.800	27.865.232.800
- Nguyên giá	228	30.571.666.000	30.571.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	34.801.626.759
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	34.801.626.759

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	25.177.872.461	24.755.393.577
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	25.177.872.461	25.177.872.461
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	(422.478.884)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	30.222.997.154	29.459.221.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	30.222.997.154	29.459.221.927
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.131.602.001.768	1.273.609.422.969

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	867.484.389.549	1.015.832.417.958
I. Nợ ngắn hạn	310	867.484.389.549	1.015.832.417.958
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	458.100.854.090	536.302.944.395
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.426.532.832	8.539.534.844
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.961.782.978	3.806.531.533
4. Phải trả người lao động	314	8.527.780.523	15.952.024.219
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.702.818.040	4.316.855.205
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	10.776.249.241	26.222.267.668
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	378.274.231.816	419.053.295.067
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.714.140.029	1.638.965.027
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	264.117.612.219	257.777.005.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	264.117.612.219	257.777.005.011
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.444.991.780	2.444.991.780
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	51.882.620.439	45.542.013.231
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	10.390.492.653	8.479.547.244
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	41.492.127.786	37.062.465.987
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.131.602.001.768	1.273.609.422.969

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2021 là một năm hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường đầy biến động và nhiều khó khăn, Công ty luôn có sự điều chỉnh kịp thời về chiến lược, chính sách hàng hóa, về tổ chức vận hành của Công ty phù hợp theo từng thời kỳ dịch bệnh. Ban hành quy định nội bộ trong Công ty nhằm tăng cường công tác quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ đặc biệt các công nợ quá hạn để bảo toàn nguồn vốn.

Sửa đổi, bổ sung các quy trình theo sự cải tiến trong quản lý và phương thức thực hiện.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Với kết quả đạt được của năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban điều hành xây dựng kế hoạch năm 2022 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng trưởng 2022 so với thực hiện 2021 (%)
1	Doanh thu	Triệu đồng	2.182.420	2.200.000	0,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	56.902	57.000	0,2%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.992	45.600	0,4%
5	Cổ tức	%	Dự kiến 18%	18%	0

- Đẩy mạnh khai thác các thị trường đang có.
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc hệ thống bán hàng nhằm tăng cường hiệu quả quản trị, góp phần tiết giảm chi phí, củng cố năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Phối hợp chặt chẽ giữa Marketing và bán hàng để thực thi hiệu quả các chiến lược kinh doanh.
- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư cho hệ thống ERP theo hướng hiện đại, xây dựng hệ thống tích hợp quản trị doanh nghiệp hiệu quả, nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ.
- Xây dựng các quy trình, quy định trong việc thực hiện và lưu trữ hóa đơn điện tử theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng đến các chỉ tiêu đảm bảo môi trường nơi làm việc và xung quanh. Công tác tiêu hủy thuốc không đạt chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền, nhắc nhở CBNV sử dụng điện nước hợp lý, tiết kiệm, tránh lãng phí.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động được điều động, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn. Chế độ lương thưởng được trả theo trình độ và hiệu quả lao động. Công tác chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần của người lao động được quan tâm và chú trọng.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương

Phối hợp với địa phương trong công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tham gia ủng hộ các quỹ hoạt động từ thiện trên địa bàn chia sẻ phần nào những hoàn cảnh khó khăn. Tuân thủ và chấp hành nghiêm các quy định của chính quyền trong công tác phòng chống dịch Covid đảm bảo an toàn cho người lao động, không để dịch bệnh lây lan.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính:

Năm 2021, trước những diễn biến phức tạp, khó kiểm soát của Đại dịch Covid - 19 đã tác động nặng nề đến tất cả các nền kinh tế trên toàn thế giới. Làn sóng Covid-19 lần thứ tư đã làm nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội, đình trệ sản xuất, gián đoạn chuỗi cung ứng và làm giảm tất cả các chỉ số kinh tế chính ở nhiều vùng. Sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nặng nề, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Để tiếp tục duy trì và tăng trưởng một cách bền vững các công ty phải không ngừng thay đổi, thích ứng, đồng thời áp dụng các công nghệ mới để cải thiện quy trình, năng suất hoạt động. Vượt qua những khó khăn năm 2021, nắm bắt các cơ hội trong kinh doanh, bằng sự nỗ lực, quyết tâm, đoàn kết, nhất trí của HĐQT, Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên Công ty đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 tạo tiền đề tăng trưởng cho năm 2022.

- Về trả thù lao cho HĐQT; Ban kiểm soát và lương của Trưởng ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, cụ thể:

+ Hội đồng quản trị: 324.000.000 đồng

+ Ban kiểm soát: 528.000.000 đồng

- Về công tác đầu tư, sửa chữa:

+ Cải tạo, bổ sung, trang bị máy móc, thiết bị cho kho tại Hà Nội và chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh.

- Về công tác phòng chống dịch:

+ Công ty và các chi nhánh thực hiện nghiêm túc các chỉ thị của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, các văn bản chỉ đạo của Bộ Y tế, Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 của các tỉnh, thành trong các đợt dịch Covid bùng phát.

+ Việc đi lại giữa các địa phương trong thời gian giãn cách vô cùng khó khăn, Công ty vẫn khắc phục đảm bảo cung ứng thuốc và đặc biệt kịp thời cấp phát và giao hàng chương trình phòng chống dịch theo yêu cầu của Bộ Y tế đến các cơ sở điều trị.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những khó khăn thách thức trong năm 2021 và những năm tiếp theo nên đã chủ động, linh hoạt điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời ban hành các văn bản nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát tối đa chi phí, tận dụng và kết hợp mọi nguồn lực hiện có để đem lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động năm 2021 của Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đảm bảo mọi hoạt động của Công ty hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2022.

- Kiểm soát tài chính chặt chẽ, giảm thiểu chi phí quản lý, tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ nhất là các khoản công nợ khó đòi, giảm công nợ quá hạn để tiết giảm chi phí lãi vay.

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời sát với tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cam kết lãnh Công ty đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu		Tỷ lệ sở hữu (%)	Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác
			Cá nhân	Đại diện		
	Nhiệm kỳ 2016-2021					
1	Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch HĐQT	6.700	4.915.800	20,032	
2	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.210.940		5,772	- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội.
3	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT		4.195.800	20,0	- Thành viên HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương 3.
4	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT		5.329.950	25,406	- Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. - Phó TGĐ CTCP tập đoàn đầu tư Việt Phương. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Imexpharm. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Sanofi Synthelabo Việt Nam. - Thành viên HĐQT CTCP Sanofi Việt Nam.
5	Ông Lê Nam Thắng	Thành viên HĐQT	700.000	3.000.000	17,637	- Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu		Tỷ lệ sở hữu (%)	Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác
			Cá nhân	Đại diện		
	Nhiệm kỳ 2021-2026					
1	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT		5.329.950	25,406	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT, Phó TGD Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. - Phó TGD CTCP tập đoàn đầu tư Việt Phương. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Imexpharm. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Sanofi Synthelabo Việt Nam. - Thành viên HĐQT CTCP Sanofi Việt Nam.
2	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.210.940		5,772	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội.
3	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT		4.195.800	20,0	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương 3.
4	Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT		4.195.800	20,0	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái. - Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương 3.
5	Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT	1.400	3.000.000	14,307	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện tại, Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị triển khai 4 cuộc họp và thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT để thảo luận, thông qua nhiều vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT; Ban hành 14 Nghị quyết và 05 Quyết định.

- Các nội dung chính đã được Hội đồng quản trị thông qua trong năm bao gồm:

+ Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và các nội dung báo cáo trình tại Đại hội.

+ Thống nhất mức thu nhập bình quân của Người lao động; Tiền lương, tiền thưởng của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Thù lao Thư ký Công ty năm 2021.

+ Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026; Bổ nhiệm Tổng giám đốc; Miễn nhiệm, Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc.

+ Phân công nhiệm vụ của thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Ban hành Quy chế quản lý người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại các doanh nghiệp khác.

+ Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền.

+ Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2021.

+ Thống nhất phương án lối đi chung giữa CTCP Dược phẩm Trung ương CPC1 và CTCP Dược Trung ương Mediplantex.

+ Phân quyền hạn mức chi tiêu nội bộ và hạn mức đầu tư của Tổng giám đốc CTCP Dược phẩm Trung ương CPC1.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Nhiệm kỳ 2016-2021			
1	Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng BKS	7.300	0,035
2	Bà Nguyễn Hồng Thúy	Thành viên BKS	0	0
3	Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên BKS	4.200	0,02
	Nhiệm kỳ 2021-2026			
1	Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng BKS	7.300	0,035
2	Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên BKS	4.200	0,02
3	Bà Hà Lan Anh	Thành viên BKS	0	0

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021 Ban Kiểm soát triển khai 2 cuộc họp; tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương (đồng/người/tháng)	Thù lao (đồng/người/tháng)
	Nhiệm kỳ 2016-2021			
1	Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch HĐQT		7.000.000
2	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	65.000.000	5.000.000
3	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT		5.000.000
4	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT		5.000.000
5	Ông Lê Nam Thắng	Thành viên HĐQT		5.000.000
6	Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng BKS	40.000.000	
7	Bà Nguyễn Hồng Thúy	Thành viên BKS		2.000.000
8	Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên BKS		2.000.000
	Nhiệm kỳ 2021-2026			
1	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT		7.000.000
2	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	65.000.000	5.000.000
3	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT		5.000.000
4	Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT		5.000.000
5	Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT		5.000.000
6	Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng BKS	40.000.000	
7	Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên BKS		2.000.000
8	Bà Hà Lan Anh	Thành viên BKS		2.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông lớn chiếm 14,3% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	ĐKKD số: 010408939, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017, nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội	Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, TP.HN	Bắt đầu từ 2016	08/2016/NQHĐQT ngày 30/9/2016	Thống nhất cho CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội thuê xe nâng, thuê kho chứa hàng tại tầng 1 văn phòng 356A Giải Phóng, Hà Nội.	Chi tiết giao dịch của công ty với công ty CPC1 Hà Nội cho mục đích báo cáo quản trị công ty năm 2021 đã được công bố trong các báo cáo tài chính quý năm 2021 của Công ty.
					Bắt đầu từ 2017	09/2016/NQHĐQT ngày 06/12/2016	Thống nhất thông qua việc ký hợp đồng cho thuê văn phòng 356A Giải Phóng, Hà Nội.	
					Bắt đầu từ 2017	17/2016/NQHĐQT ngày 30/12/2016	Thống nhất thông qua các hợp đồng nguyên tắc với Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội.	
					Bắt đầu từ 2019	36/2018/NQHĐQT ngày 26/12/2018	Thống nhất thông qua các hợp đồng nguyên tắc với Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội. - Ngày 01/4/2021: thanh lý hợp đồng cho CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội thuê dịch vụ bảo quản hàng lạnh (2-8°C) tại CTCP Dược phẩm Trung ương CPC1.	

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty: Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên, các cuộc họp/lấy ý kiến Hội đồng quản trị, thực hiện công bố thông tin đúng quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế



toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên website của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại địa chỉ: www.cpc1.com.vn.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



ĐỒNG GIÁM ĐỐC

Công Việt Hải